

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về quản lý mua, bán tàu biển

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Nhằm quản lý có hiệu quả các dự án mua, bán tàu biển phù hợp với quy hoạch phát triển, từng bước hiện đại hóa đội tàu biển quốc gia, bảo đảm các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường biển, cải tiến một bước các thủ tục phê duyệt, quyết định và cấp phép mua, bán tàu biển;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Mua, bán tàu biển" là quá trình tìm hiểu thị trường, chuẩn bị hồ sơ dự án để xin phê duyệt, ra quyết định và cấp phép mua, bán, ký kết và thực hiện hợp đồng mua, bán tàu biển.
- "Dự án mua, bán tàu biển" là Dự án mua, bán một hoặc nhiều tàu biển.
- "Người mua, bán tàu biển" là các tổ chức, cá nhân thực hiện việc mua, bán tàu biển.

4. "Vốn ngân sách Nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước" bao gồm tiền hoặc tài sản do Nhà nước trực tiếp đầu tư, cho vay hoặc các nguồn khác Nhà nước giao cho tổ chức, doanh nghiệp quản lý và sử dụng.

5. "Người có thẩm quyền quyết định mua, bán tàu biển" là người đại diện cho tổ chức hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định mua, bán tàu biển theo phân cấp tại Điều 10 của Nghị định này.

6. "Giấy phép mua, bán tàu biển" là giấy phép do Bộ Giao thông vận tải cấp cho Người mua, bán tàu biển theo đúng điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định này.

7. "Hợp đồng mua, bán tàu biển" bao gồm các loại hợp đồng mua, bán, cho thuê, vay mua, đóng mới tàu biển.

8. "Hợp đồng vay mua tàu biển" là hợp đồng đặc thù trong đó người mua tàu và người bán tàu thỏa thuận sử dụng một khoản vốn tín dụng có thể do chính người bán tàu cấp cho người mua tàu để mua tàu nhưng kèm theo các điều kiện bảo đảm trách nhiệm thanh toán của người mua tàu được quy định cụ thể trong hợp đồng.

Điều 2. Nghị định này quy định điều kiện, thẩm quyền, trình tự xét duyệt và cấp phép mua, bán tàu biển.

Việc mua, bán tàu biển quy định tại khoản 1, Điều 3 của Nghị định này phải tuân theo các quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Phạm vi áp dụng của Nghị định.

1. Nghị định này áp dụng đối với việc mua, bán các loại tàu biển đã qua sử dụng hoặc đóng mới trên thị trường trong nước và quốc tế, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này.

2. Nghị định này không áp dụng đối với việc mua, bán các loại tàu biển sau đây:

a) Tàu biển có động cơ với tổng công suất máy chính dưới 75 CV; tàu biển không có động cơ, nhưng có tổng dung tích toàn phần dưới 50 GRT; tàu biển có trọng tải dưới 100 DWT hay có chiều dài đường nước thiết kế dưới 20 m;

b) Tàu biển các loại mua, bán không bằng nguồn vốn ngân sách hoặc không có nguồn gốc ngân sách và được thực hiện tại thị trường trong nước;

c) Tàu biển do các doanh nghiệp đóng tàu biển Việt Nam sản xuất trên cơ sở các hợp đồng đóng mới cho nước ngoài;

d) Tàu biển của nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Việc quản lý mua, bán các loại tàu biển sử dụng vào mục đích quân sự, bảo vệ an ninh, trật tự do Bộ quốc phòng, Bộ Công an quản lý, tàu biển sử dụng năng lượng hạt nhân và tàu biển chuyên dụng để vận chuyển chất phóng xạ được thực hiện theo quy định riêng.

Điều 4. Chính phủ thực hiện thống nhất việc quản lý mua, bán tàu biển và hoạt động đầu tư, xuất nhập khẩu tàu biển của tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam nhằm:

a) Bảo đảm thực hiện đúng các mục tiêu chiến lược phát triển đội tàu biển quốc gia theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần phát triển kinh tế đất nước và bảo hộ hợp lý sự phát triển của ngành công nghiệp đóng tàu Việt Nam;

b) Bảo đảm những điều kiện an toàn kỹ thuật của đội tàu biển phù hợp với các tiêu chuẩn của Việt Nam và các công ước quốc tế về hàng hải mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia;

c) Huy động và sử dụng có hiệu quả, đúng pháp luật mọi nguồn vốn đầu tư phát triển đội tàu.

Điều 5. Điều kiện nhập khẩu tàu biển

1. Tàu biển nhập khẩu để sử dụng phải có đủ điều kiện được đăng ký tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Tàu biển được nhập khẩu với mục đích để phá dỡ không được sửa chữa, hoàn cải hoặc phục hồi để sử dụng vào các mục đích khác.

3. Hàng năm, Bộ Giao thông vận tải sau khi thống nhất với các Bộ, ngành liên quan, căn cứ nhu cầu của thị trường và năng lực thực tế của ngành công nghiệp đóng tàu Việt Nam công bố cụ thể danh mục những loại tàu biển được phép nhập khẩu, trong đó phải quy định về loại tàu, số lượng, tính năng kỹ thuật và khai thác, tổng trọng tải hoặc tổng dung tích toàn phần của tàu.

Điều 6. Hợp đồng mua, bán tàu biển

1. Hợp đồng mua, bán tàu biển giữa các bên là tổ chức hoặc cá nhân Việt Nam và thực hiện tại thị trường trong nước thì hình thức và nội dung của hợp đồng mua, bán tàu biển phải tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Hợp đồng mua, bán tàu biển giữa một bên là tổ chức hoặc cá nhân Việt Nam và một bên là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài thì hình thức và nội dung hợp đồng mua, bán tàu biển do các bên thỏa thuận, lựa chọn từ các loại hợp đồng thông dụng trên thị trường liên quan (xem danh mục một số mẫu hợp đồng mua, bán tàu biển quốc tế thông dụng tại Phụ lục I). Tùy theo điều kiện, mục đích cụ thể, mà nội dung của mỗi hợp đồng mua, bán tàu biển có thể được thay đổi cho phù hợp, nhưng cần có một số nội dung cơ bản như Phụ lục II (a, b).

Điều 7. Đối với những tàu biển đã được cấp phép mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua, sau thời gian đăng ký ở nước ngoài theo thỏa thuận trong hợp đồng và khi chuyển về đăng ký tại Việt Nam thì đương nhiên được đăng ký vào "Sổ đăng ký tàu biển quốc gia" mà không xin cấp phép lại.

Chương II

PHÂN LOẠI DỰ ÁN, THẨM QUYỀN XÉT DUYỆT

VÀ CẤP PHÉP MUA, BÁN TÀU BIỂN

Điều 8. Các dự án mua, bán tàu biển được phân loại theo nguồn vốn như sau:

1. Các dự án sử dụng vốn ngân sách hoặc có nguồn gốc vốn ngân sách.
2. Các dự án không sử dụng nguồn vốn quy định tại khoản 1 của Điều này và các dự án mà tàu biển không được chuyển nhượng dưới hình thức khác như: biếu, tặng và thừa kế....

Điều 9. Trình tự xét duyệt và cấp phép mua, bán tàu biển

1. Trình tự xét duyệt và cấp phép mua, bán tàu biển gồm các bước cơ bản sau đây:

- a) Bước thứ nhất: Phê duyệt chủ trương mua, bán tàu biển.
- b) Bước thứ hai: Thẩm định hồ sơ và ra quyết định mua, bán tàu biển.
- c) Bước thứ ba: Cấp phép mua, bán tàu biển.

2. Trình tự xét duyệt và cấp phép mua, bán tàu biển quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

a) Tàu biển được mua, bán bằng nguồn vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định này và được thực hiện trên thị trường trong nước thì chỉ cần thực hiện các quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này.

b) Tàu biển được mua, bán bằng nguồn vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định này không phải thực hiện các bước quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này.

c) Việc cấp phép mua, bán tàu biển theo quy tại điểm c khoản 1 Điều này áp dụng đối với tất cả các dự án mua, bán tàu biển không phân biệt nguồn vốn, được nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc xuất khẩu từ Việt Nam ra nước ngoài.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương và quyết định mua, bán tàu biển

1. Người có thẩm quyền phê duyệt chủ trương mua, bán tàu biển cũng là Người có thẩm quyền quyết định mua, bán tàu biển.

2. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương và quyết định mua, bán tàu biển cho các dự án quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định này được phân cấp như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương và quyết định đối với các dự án mua, bán tàu biển có giá trị từ 200 tỷ đồng trở lên, sau khi có báo cáo thẩm định và tờ trình của Bộ Giao thông vận tải.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị các Tổng công ty Nhà nước thành lập theo quyết định số 91/TTg ngày 7 tháng 3 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ được phê duyệt chủ trương và quyết định đối với các dự án mua, bán tàu biển có giá trị dưới 200 tỷ đồng.

c) Thủ trưởng các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ và Hội đồng Quản trị các Tổng công ty Nhà nước thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 07 tháng 3 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ được phê duyệt chủ trương và quyết định đối với các dự án mua, bán tàu biển có giá trị dưới 20 tỷ đồng theo ủy quyền của Bộ trưởng.